TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 20/01/2022
V/v: Tranh chấp về HNGĐ giữa chị Năm và anh Dương.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thạch Thiên H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang L; Bà Dương Thị N.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị L, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST- HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị N, sinh năm 1996. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Công D, sinh năm 1982. Có mặt.

Cùng đăng ký HKTT tại: Thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác, nguyên đơn là chị Vi Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Công D ngày 15/3/2018 trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Sau ngày cưới chị N về chung sống với anh D ngay. Vợ chồng chị sống tại thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Quá trình chung sống, ngay từ khi về chung sống với anh D cuộc sống vợ chồng đã không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Do lúc đó chị mới sinh con nên cố gắng nhẫn nhịn, cam chịu vì con. Tuy nhiên từ tháng 05/2018 thì vợ chồng chị ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác rồi về nhà thường xuyên đánh đập, chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị khiến chị vô cùng hoảng sợ. Do không đủ sức chịu đựng sự hành hạ, sỉ nhục về thể xác và tinh thần của anh D và không có chỗ nào để bấu víu nên chị đã phải đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Khoảng 15 ngày sau, anh

D có vào đón con về. Vì thương con nên chị tiếp tục về chung sống với anh D. Tuy nhiên, anh Dư vẫn không thay đổi còn đánh đập chị nhiều lần khiến chị phải nhập viện. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 03/2019 cho đến nay, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Thời gian ly thân, anh D cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ mà còn tiếp tục chửi bới chị và gia đình chị. Nay chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với anh D được vì không còn tình cảm, chị đề nghị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Công D1, sinh ngày 27/02/2018. Từ khi vợ chồng ly thân, anh D nuôi dưỡng con chung. Ly hôn, chị đồng ý anh D tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tại phiên toà chị N tự nguyện đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi theo yêu cầu của anh D.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là anh Đỗ Công D trình bày: Anh xác nhận một phần lời khai của chị N về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn.

Theo anh Dương, quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau đến tháng 05/2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N là một người mẹ nhưng đã bỏ con đi biệt tích từ khi con được 06 tháng tuổi, không hề quan tâm, lo lắng cho chồng con. Vì muốn con có một gia đình trọn vẹn nên tháng 4/2019, anh có đưa con vào gia đình chị N ở Nghệ An để mong muốn cho vợ chồng đoàn tụ với nhau cùng nuôi dạy con cái nhưng không gặp chị N và cũng không ai biết chị N sống ở đâu. Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Anh xác định vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nhưng anh muốn con có một gia đình trọn vẹn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Công D1, sinh ngày 27/02/2018. Từ khi vợ chồng ly thân, anh trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh đề nghị chi N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đông/tháng tư thời điểm ly hôn cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi..

Hiện tại anh đang làm nghề tự do, mức thu thập bình quân khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Anh đủ khả năng kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và đồng ý giao con chung Đỗ Công D1, sinh ngày 27/02/2018 cho anh D nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của anh D. Phía anh D không đồng ý ly hôn. Nếu phải

ly hôn anh D có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đong/tháng kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi. Hiện anh D đang làm nghề tự do, mức thu thập khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Anh đủ khả năng kinh tế để nuôi con. Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức, chị N, anh D đều không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 56, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị N, cho chị Vi Thị N được ly hôn với anh Đỗ Công D.

Về con chung: Giao con chung là Đỗ Công D1, sinh ngày 27/02/2018 cho anh D nuôi dưỡng;chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi.

Do các đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung, công nợ, trích chia công sức nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, đương sự trong vụ án

;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tố tụng: Chị N làm đơn xin ly hôn anh D nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh D có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung:

* Yêu cầu xin ly hôn: Chị Vi Thị N kết hôn với anh Đỗ Công D ngày 15/3/2018 đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống phía chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác rồi về nhà thường xuyên đánh đập, chửi

bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị khiến chị vô cùng hoảng sợ. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 03/2019 cho đến nay, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Thời gian ly thân, anh D cũng không có biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ mà còn tiếp tục chửi bới chị và gia đình chị. Chị nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh D được vì không còn tình cảm, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh D.

Phía anh D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N là một người mẹ nhưng đã bỏ con đi biệt tích từ khi con được 06 tháng tuổi, không hề quan tâm, lo lắng cho chồng con. Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Anh xác định vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nhưng anh muốn con có một gia đình trọn vẹn nên anh không đồng ý ly hôn.

HĐXX xét thấy: Cuộc sống vợ chồng của chị N và anh D không đạt được mục đích của cuộc hôn nhân tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Mặc dù anh D không đồng ý ly hôn cũng không đưa ra được biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Mặt khác, chị N và anh D đều xác định vợ chồng đến nay đã không còn tình cảm với nhau. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật và thực tế.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Đỗ Công D1, sinh ngày 27/02/2018. Tại phiên tòa hôm nay anh D xin nuôi cháu Đỗ Công D1, sinh ngày 27/02/2018, chị N cũng đồng ý. Xét thấy: Về điều kiện kinh tế, hiện nay anh anh D đang làm nghề tự do, mức thu thập bình quân khoảng 8.000.000 đồng/tháng. Do đó, công việc của anh D đảm bảo thu nhập ổn định, đảm bảo tốt cho cuộc sống của con. Xác định thời gian con chung ở với anh D vẫn mạnh khỏe, phát triển tốt. Hội đồng xét xử thấy: Cần chấp nhận giao cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đỗ Công D1, sinh ngày 27/02/2018.Tại phiên toà, anh D yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi, chị N cũng tự nguyên chấp nhận yêu cầu này, do vậy Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thoả thuận trên, buộc chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng tính từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu D dủ 18 tuổi là phù hợp pháp luật.

Chị N, anh D được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình về việc nuôi dưỡng, thăm nom con sau khi ly hôn.

Tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Chị N, anh D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 203, 220, 227, 228, 233, 235, 254, 264, 266, 267, 269, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 56, 81, 82, 83, 110 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Vi Thị N được ly hôn với anh Đỗ Công D.

2. Về con chung: Giao cho anh Đỗ Công D nuôi dưỡng con chung là Đỗ Công D1, sinh ngày 27/02/2018. Chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng kể từ thời điểm ly hôn cho đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Vi Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2021/0001846, ngày 10/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du. Chị N còn phải nội lại số tiền 300.000 đồng án phí.

Các đương sự có mặt quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
TRẦN QUANG L	DƯƠNG THỊ N	THẠCH THIÊN H